

Bản án số: 331/2024/DSST
Ngày: 21/6/2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vui

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Tốt
- Ông Nguyễn Văn Quân

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiện Quang – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Thị Yến Hoà - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 877/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 486/2024/QĐXXST-DS ngày 03/05/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 622/2024/QĐ-ST ngày 27/05/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc H

Địa chỉ: A P, Phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người được uỷ quyền lại: Bà Tạ Thị Ngọc N (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: B (số mới 202) N, Phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Hồng N1, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: 17/20/10 đường T, khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 41 Nguyễn Thị K, tổ F, KP4A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H có bà Tạ Thị Ngọc N là đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 19/01/2022, bà Trần Thị Hồng N1 có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng tín dụng”) theo hình thức cấp thẻ tín dụng Master C, với hạn mức 100.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Bà Trần Thị Hồng N1 bắt đầu sử dụng thẻ tín dụng từ ngày 25/01/2022 đến ngày 15/02/2022, bà N1 đã tiêu dùng với số tiền là 97.866.089 đồng. Bà N1 đã thanh toán cho Ngân hàng đúng hạn trong 03 kỳ sao kê. Đến tháng 06/2022 (ngày đến hạn thanh toán là 01/7/2022) bà N1 đã không thực hiện việc thanh toán số tiền gốc là 99.858.738 đồng hoặc số tiền tối thiểu của kỳ sao kê tháng 05/2022. Kể từ ngày 31/7/2022 Ngân hàng đã thực hiện ngưng sử dụng thẻ tạm thời do bà N1 không thanh toán nợ gốc hoặc số tiền thanh toán tối thiểu thẻ tín dụng liên tục 60 ngày. Đến ngày 31/08/2023, Ngân hàng đã chấm dứt sử dụng thẻ và tiến hành các thủ tục thu hồi nợ đối với toàn bộ nợ gốc 99.858.738 đồng.

Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu Toà án buộc bà Trần Thị Hồng N1 phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến 01/03/2024 là 176.949.758 đồng, bao gồm:

+ Nợ gốc: 99.858.738 đồng

+ Lãi: 53.665.774 đồng

+ Phí: 23.425.246 đồng (bao gồm: Phí chậm thanh toán là 23.162.352 đồng, phí vượt hạn mức là 262.894 đồng).

Tại bản tự khai, đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H đề nghị Tòa án buộc bà Trần Thị Hồng N1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H số tiền tạm tính đến ngày xét xử ngày 21/6/2024 là 187.061.481 đồng (bao gồm dư nợ gốc: 99.858.738 đồng, lãi 63.777.497 đồng, phí chậm thanh toán 23.162.352 đồng, phí vượt hạn mức 262.894 đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H chỉ yêu cầu cá nhân bà N1 có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên, không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng.

Bà Trần Thị Hồng N1 phải thanh toán phần nợ lãi và phí phát sinh thêm đối với số nợ thực tế theo mức lãi suất và phí quy định thoả thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ sau ngày 21/6/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Bị đơn bà Trần Thị Hồng N1 đã được Toà án tổng đạt Thông báo thụ lý cũng như triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt và không có bản tự khai gửi cho Toà án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H do bà Tạ Thị Ngọc N là đại diện theo uỷ quyền có đơn xin xét xử vắng mặt và có bản tự khai vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Trần Thị Hồng N1 đã được Toà án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Toà án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn bà Trần Thị Hồng N1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H, buộc bị đơn bà Trần Thị Hồng N1 thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến ngày 21/6/2024 là 187.061.481 đồng (bao gồm dư nợ gốc: 99.858.738 đồng, lãi 63.777.497 đồng, phí chậm thanh toán 23.162.352 đồng, phí vượt hạn mức 262.894 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/8/2023 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H yêu cầu Toà án buộc bà Trần Thị Hồng N1 phải trả ngay một lần cho Ngân hàng số tiền còn nợ phát sinh dựa trên hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ cư trú của bị đơn theo Hợp đồng nhưng bị đơn thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú nên Toà án tiến hành thụ lý và giải quyết theo thụ tục chung chung. Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng thì bà Trần Thị Hồng N1 cung cấp địa chỉ nơi ở hiện tại tại Quận A, do đó thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Toà án nhân dân Quận 12 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà **Tạ Thị Ngọc N** có đơn xin vắng mặt, bị đơn bà **Trần Thị Hồng N1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[3.1] Về yêu cầu trả tiền gốc và lãi quá hạn

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì các bên đã đồng ý với các điều khoản thoả thuận trong hợp đồng. Do bà **Trần Thị Hồng N1** vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H** khởi kiện là có cơ sở.

Đối với số tiền gốc và lãi: Bà **Trần Thị Hồng N1** có ký với **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H** Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà **N1**, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng MASTER CARD với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay 36 tháng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà **Trần Thị Hồng N1** đã tiêu dùng với số tiền là 97.866.089 đồng từ ngày 25/01/2022 đến ngày 15/02/2022. Bà **N1** đã thanh toán cho Ngân hàng đúng hạn trong 03 kỳ sao kê. Đến tháng 06/2022 (ngày đến hạn thanh toán là 01/7/2022) bà **N1** đã không thực hiện việc thanh toán số tiền gốc là 99.858.738 đồng hoặc số tiền tối thiểu của kỳ sao kê tháng 05/2022. Do bà **N1** vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên kể từ ngày 31/7/2022 Ngân hàng đã thực hiện ngưng sử dụng thẻ tạm thời. Đến ngày 31/08/2023, Ngân hàng đã chấm dứt sử dụng thẻ và tiến hành các thủ tục thu hồi nợ đối với toàn bộ nợ gốc 99.858.738 đồng. Dựa trên bảng chiết tính các khoản nợ của **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H** cung cấp cho Tòa án thì tính đến ngày 21/6/2024, bà **Trần Thị Hồng N1** còn nợ **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H** các khoản sau:

- Dư nợ gốc: 99.858.738 đồng
- Lãi: 63.777.497 đồng
- Phí chậm thanh toán: 23.162.352 đồng
- Phí vượt hạn mức: 262.894 đồng

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và các mục 18, 19, 20, 21, 22, 23 và 24 bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của **Ngân**

hàng TMCP Phát triển Thành phố H thì bà Trần Thị Hồng N1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc bà N1 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến thời điểm xét xử là 187.061.481 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu không trăm sáu mươi một ngàn bốn trăm tám mươi một đồng); trong đó: dư nợ gốc là 99.858.738 đồng; lãi: 63.777.497 đồng, phí chậm thanh toán 23.162.352 đồng, phí vượt hạn mức 262.894 đồng và yêu cầu bà N1 tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 22/6/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định trong hợp đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà Trần Thị Hồng N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

QUYẾT ĐỊNH

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 90, 91, 95 và Điều 98 Luật các Tổ chức Tín dụng;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1/ Chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H:

Buộc bà Trần Thị Hồng N1 phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 21/6/2024 là 187.061.481 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu không trăm sáu mươi một ngàn bốn trăm tám mươi một đồng); trong đó: dư nợ gốc là 99.858.738 đồng; lãi: 63.777.497 đồng, phí chậm thanh toán 23.162.352 đồng, phí vượt hạn mức 262.894 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà **Trần Thị Hồng N1** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng được ký kết giữa Ngân hàng và bà **Trần Thị Hồng N1** cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm

Bị đơn bà **Trần Thị Hồng N1** phải chịu án phí 9.353.074 đồng (Chín triệu ba trăm năm mươi ba ngàn không trăm bảy mươi bốn đồng).

Hoàn trả cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh** số tiền 4.041.666 đồng (Bốn triệu không trăm bốn mươi một ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) theo Biên lai đóng tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0031398 ngày 13/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành án tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

3/ Về quyền kháng cáo

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Vui